TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST.
Ngày 15-6-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Vương Văn Mum.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị K (N)**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

- *Đồng bị đơn:*

1/ Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972.

2/ Chị **Trà Thị T1**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Bà cho vợ chồng anh T, chị T1 vay tiền 21.000.000 đồng vào ngày 30/3/2017, không tính lãi. Thỏa thuận đến ngày 30/6/2017 trả 5.000.000 đồng, còn lại 16.000.000 đồng thì mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bên bị đơn vẫn không trả cho bà.

Nay bà K yêu cầu anh T, chị T1 trả tiền gốc 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2018, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thừa nhận có vay của bà K số tiền gốc 21.000.000 đồng như bà K trình bày. Mục đích vợ chồng anh vay tiền là để trị bệnh và lo cho con ăn học. Sau khi vay, vợ chồng anh có trả được 1.000.000 đồng.

Nguyện vọng anh T đồng ý trả cho bà K số tiền 20.000.000 đồng, không trả lãi và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết, chị Trà Thị T1 không nộp bản tự khai, không đến tòa án cung cấp lời khai nên không thể hiện được nguyện vọng của bà.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 20.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T, chị T1 vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bên bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vốn gốc là 21.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng, bên nguyên đơn thừa nhận có nhận của bị đơn 1.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là số tiền bên bị đơn trả cho khoản nợ khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày ngoài số tiền vay nêu trên thì bên bị đơn không có nợ khoản nợ nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định bên bị đơn đã trả cho bên nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng nợ gốc.

Anh T thừa nhận một mình anh vay tiền nhằm mục đích chi tiêu vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, chị T1 có nhận

được thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến phản đối. Vì vậy có cơ sở khẳng định số nợ trên là nợ chung của vợ chồng chị T1, anh T. Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014 buộc chị T1 có trách nhiệm liên đới cùng anh T trả nợ cho bà K.

Như phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay 20.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả thêm 1.000.000 đồng. Ghi nhận bên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn và nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K (N) tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với anh Nguyễn Văn T, chị Trà Thị T1**.**

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Trà Thị T1 phải trả cho Lê Thị K (N) số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà K (N) không yêu cầu tính lãi.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị K (N) đòi anh Nguyễn Văn T, chị Trà Thị T1 trả 1.000.000 (một triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn T, chị Trà Thị T1 phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị K (N) phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 525.000 đồng. Hoàn trả cho bà Lê Thị K (N) số tiền 225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009395 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Trưởng